

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày: 10/9/2024

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất và yêu cầu chia tài sản chung sau ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Ngô
Thị Nhật- Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6
năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu chia tài sản
chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-
DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: 1. Bà Đào Thị V, sinh năm: 1952

2. Bà Văn Thị Kim O, sinh năm: 1992

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CLO, thành phố C, tỉnh Khánh
Hòa. (Bà V, bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD,
phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Hiện đang chấp hành án tại Trại
giám Sông Cái-Bộ Công an. (Ông L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Văn Bá H, sinh năm: 1951;
Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CLO, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Ông H
có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Đào Thị V trình bày: Vào khoảng năm 1996, 1997 vợ chồng bà là Đào
Thị V và Văn Bá H có mua 01 thửa đất diện tích khoảng 4.641m² tại tổ dân phố

HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ông bà. Năm 2018, ông bà có cho vợ chồng con gái Văn Thị Kim O và Nguyễn Đức L cất nhà để ở tạm trên thửa đất này. Sau đó, ông bà làm thủ tục tách thửa cho con gái Văn Thị Kim A một phần diện tích đất và ngày 20/5/2021 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cho ông bà.

Đến năm 2022, vợ chồng O- L sống không hạnh phúc nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Bản án ngày 13/5/2022, O được quyền nuôi 02 con chung và tài sản chung O- L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên L không cho mẹ con O sống trong căn nhà đó. Hiện nay, L là người sinh sống trên đất số 728, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Do đó, bà yêu cầu ông L phải trả lại cho vợ chồng bà quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Văn Thị Kim O trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đức L kết hôn với nhau năm 2012, sau kết hôn ông bà thuê nhà trọ sống, được một thời gian cha mẹ bà có nói cho vợ chồng mượn đất ở tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cất nhà ở tạm nên năm 2018, vợ chồng bà đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa của cha mẹ bà là ông Văn Bá H và bà Đào Thị V.

Sau đó, vợ chồng bà sống không hạnh phúc nên bà có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Bản án ngày 13/5/2022, bà được quyền nuôi 02 con chung và tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông L không cho mẹ con bà sống trong căn nhà đó. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông L gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 mái che, 01 nền xi măng, 01 nhà bếp 04 cây mai và 01 cây sa pô chê là tài sản gắn liền với thửa đất số 728 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Bà O đề nghị giao toàn bộ tài sản này cho bà V và ông H, bà V và ông H thanh toán lại giá trị cho bà O và ông L.

** Nguyên đơn bà V có ý kiến:* Bà V đồng ý với yêu cầu của bà O, vợ chồng bà nhận các tài sản chung của O, L gắn liền với thửa đất số 728; bà và ông H thanh toán lại giá trị cho O, L.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:* Vào năm 2018, ông Văn Bá H và bà Đào Thị V có viết giấy tay cho vợ chồng ông là Nguyễn Đức L và Văn Thị Kim O một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 728 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng ông cất nhà cấp 4 với số tiền 190.000.000 đồng. Nay bà V khởi kiện đòi quyền sử dụng đất thửa đất số 728, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà O, ông đồng ý. Căn nhà cấp 4 do ông và bà O xây dựng năm 2018, chỉ xin phép tổ trưởng, không làm hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng. Ông yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Bá H trình bày:* Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 728 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại tổ dân phố HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, ông thống nhất với lời trình bày của bà V. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V. Ông yêu cầu ông L phải trả lại cho vợ chồng ông quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728. Ông đồng ý với ý kiến của bà O, ông H và bà V nhận toàn bộ tài sản chung của bà O và ông L có trên thửa đất số 728 và ông bà thanh toán lại giá trị tài sản cho O, L.

* Tài liệu có trong hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 476834; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2024; biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2024; mảnh trích đo địa Hh số 119-2024; biên bản xác minh ngày 23/7/2024; đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 23/4/2021; mảnh trích đo địa Hh số 29-2021; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 262-1, 262-2; biên bản kiểm tra xác minh hồ sơ chia tách thửa đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3913, quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/4/2021.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị V buộc ông Nguyễn Đức L và bà Văn Thị Kim O trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cho bà V và ông H.

+ Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Văn Thị Kim O. Giao bà Đào Thị V và ông Văn Bá H quản lý, sử dụng tài sản chung của bà O và ông L; bà V và ông H thanh toán giá trị tài sản cho bà O, ông L mỗi người 103.388.451 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông L, bà O mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng theo quy định.

Về án phí: Ông L, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu của bà V được chấp nhận. Ông L, bà O mỗi người chịu án phí đối với phần giá trị tài sản có giá ngạch tương ứng là 5.169.422 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án liên quan đến đất đai mà bị đơn cư trú tại thành phố C, tài sản tranh chấp tọa lạc tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đào Thị V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức L phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Nguyên đơn bà Văn Thị Kim O yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà và ông Nguyễn Đức L. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ Điều 166, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 26, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Đòi lại quyền sử dụng đất và chia tài sản chung sau ly hôn”.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị V: Ngày 31/12/2014, ông Văn Bá H và bà Đào Thị V được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 229071, sổ vào sổ cấp GCN: CH11141 đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.642,1m² (gọi tắt là thửa đất 262), mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 23/4/2021, ông H có đơn đề nghị tách thửa đất đối với thửa đất 262, tách thành 02 thửa, thửa tạm 262-1 Hh thức là thửa 727 diện tích 217,7m², thửa tạm 262-2 Hh thức là thửa 728 diện tích 4.424,4m². Ngày 20/5/2021, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 476834, sổ vào sổ cấp GCN: CS08139 đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.642,1m² (gọi tắt là thửa đất 728), mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cho ông Văn Bá H và bà Đào Thị V. Năm 2018, ông H, bà V cho vợ chồng con gái là Văn Thị Kim O và Nguyễn Đức L mượn một phần thửa đất 262 (sau này là thửa đất 728) cất nhà cấp 4. Bị đơn ông L cho rằng ông H và bà V có viết giấy tay cho vợ chồng ông bà một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 728 để cất nhà nhưng ông L không đưa được tài liệu chứng cứ để chứng minh và ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 163, 165 và 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26 Luật đất đai năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về việc yêu cầu bị đơn ông L phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cho ông H, bà V.

[2.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Kim O:* Năm 2012, bà O và ông L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường CPB cấp giấy chứng nhận kết hôn; năm 2018, ông L và bà O xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 728; ngày 13/5/2022, bà O, ông L ly hôn. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2024, Biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2024 và Mạnh trích đo địa Hh số 119-2024 ngày 05/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố C, tài sản chung của bà O, ông L gồm: 01 nhà cấp 4 tường xây gạch, sơn nước, mái tole không trần, cửa sắt, nền gạch men, diện tích 54m² (ký hiệu: g) trị giá 125.073.661 đồng; 01 mái che cột kèo sắt lợp tole, nền xi măng, diện tích 68m² (ký hiệu: mc) trị giá 51.319.178 đồng; nền xi măng có bê tông lót, diện tích 15,3m² (không mái che) trị giá 1.806.027 đồng; 01 nhà bếp cột kèo sắt, vách tole, mái tole, cửa khung lưới B40, nền xi măng, diện tích 23,2m² (ký hiệu: t) trị giá 27.958.037 đồng; 04 cây mai loại C trị giá 360.000 đồng và 01 cây Sa pô chê loại C trị giá 260.000 đồng; tổng giá trị tài sản 206.776.903 đồng. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/222/HNGĐ-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, bà O, ông L không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên căn cứ vào Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, sau ly hôn bà O có quyền khởi kiện chia tài sản chung của bà và ông L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O. Ông L đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà O, ông yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Bà O yêu cầu giao toàn bộ tài sản chung của bà và ông L cho bà V ông H quản lý, bà V ông H thanh toán lại giá trị cho bà và ông L. Bà V ông H đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Từ các nhận định tại mục [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố HDG, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà cấp 4 tường xây gạch, sơn nước, mái tole không trần, cửa sắt, nền gạch men, diện tích 54m² (ký hiệu: g); 01 mái che cột kèo sắt lợp tole, nền xi măng, diện tích 68m² (ký hiệu: mc); nền xi măng có bê tông lót, diện tích 15,3m² (không mái che); 01 nhà bếp cột kèo sắt, vách tole, mái tole, cửa khung lưới B40, nền xi măng, diện tích 23,2m² (ký hiệu: t); 04 cây mai loại C và 01 cây Sa pô chê loại C cho ông Văn Bá H và bà Đào Thị V được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu. Ông Văn Bá H và bà Đào Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Văn Thị Kim O và ông Nguyễn Đức L mỗi người 103.388.451 đồng.

[3] *Về chi phí tố tụng:* Căn cứ Điều 157 và 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà O và ông L phải chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn bà V đã tạm ứng thanh toán cho phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.046.680 đồng. Do đó, bà O và ông L mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà V số tiền 5.523.340 đồng.

[4] *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Chia tài sản chung sau ly hôn” là 5.169.422 đồng.

[4.2] Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Đòi lại quyền sử dụng đất” là 300.000 đồng và “Chia tài sản chung” là 5.169.422 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 163, 165, 166 và 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 322 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị V và bà Văn Thị Kim O.

1.1. Giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.424,4m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 6B, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà cấp 4 tường xây gạch, sơn nước, mái tole không trần, cửa sắt, nền gạch men, diện tích 54m² (ký hiệu: g); 01 mái che cột kèo sắt lợp tole, nền xi măng, diện tích 68m² (ký hiệu: mc); nền xi măng có bê tông lót, diện tích 15,3m² (không mái che); 01 nhà bếp cột kèo sắt, vách tole, mái tole, cửa khung lưới B40, nền xi măng, diện tích 23,2m² (ký hiệu: t); 04 cây mai loại C và 01 cây Sa pô chê loại C cho ông Văn Bá H và bà Đào Thị V được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu. (Theo Mạnh trích đo địa Hh số 119-2024 ngày 05/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố C)

1.2. Ông Văn Bá H và bà Đào Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Văn Thị Kim O và ông Nguyễn Đức L mỗi người số tiền 103.388.451 đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi một đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Văn Thị Kim O và ông Nguyễn Đức L mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đào Thị VV số tiền 5.523.340 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

3. Về án phí:

3.1. Hoàn lại cho bà Đào Thị V số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004704 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3.2. Bà Văn Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Chia tài sản chung sau ly hôn” là 5.169.422 đồng tuy nhiên được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004704 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Do đó, bà Văn Thị Kim O còn chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.169.422 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi H nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

3.3. Ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Đòi lại quyền sử dụng đất” là 300.000 đồng và “Chia tài sản chung sau ly hôn” là 5.169.422 đồng. Do đó, ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.469.422 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi H nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)

4. Quy định:

Kể từ ngày bà Văn Thị Kim O và ông Nguyễn Đức L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền phải thanh toán, nếu ông Văn Bá H và bà Đào Thị V không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày bà Đào Thị V có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền chi phí tố tụng, nếu bà Văn Thị Kim O, ông Nguyễn Đức L không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà Đào Thị V, bà Văn Thị Kim O, ông Nguyễn Đức L, ông Văn Bá H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công